

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HN-ST

Ngày: 04-01-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Trần Thị Sâm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2023, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/8/2023, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 23/10/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Lê Thị Ngọc T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Lý do: Chị và anh Nguyễn Văn T1 do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2012. Thời gian đầu có hạnh phúc, cuộc sống hòa thuận. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi nhau do anh T1 cờ bạc, ghen tuông, đánh vợ nhiều lần không có lý do, nhiều lần chị bỏ về bên ruột sống rồi vợ chồng hàn gắn lại nhưng không có kết quả, chị khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Chị và anh T1 không còn sống chung từ khoảng tháng 03/2023

cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 10/01/2017. Khi làm đơn ly hôn, chị yêu cầu để 02 con cho anh Nguyễn Văn T1 nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do khi được hỏi ý kiến, Nguyễn Nhật T2 có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ nên chị yêu cầu được nuôi Nguyễn Nhật T2 và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Nhật T3, chị yêu cầu để anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Từ nhỏ đến lớn con sống chung với vợ chồng chị tại nhà ở xã Đ. Đến tháng 03/2023, con cùng chị về bên gia đình ruột của chị ở xã A1 sống nhưng con vẫn thường xuyên về bên nhà anh T1 đang ở do 02 nhà cách nhau khoảng 01km. Cháu T2 đang học lớp 4 Trường tiểu học 1 thị trấn Mỏ Cày. Cháu T3 đang học lớp 1 Trường tiểu học Đ, về nhà anh T1 sẽ gần hơn vì đi xe khoảng 05 phút. Cháu T3 mến cha hơn và anh T1 cũng thương cháu T3 hơn, chị có hỏi ý kiến cháu T3 thì cháu muốn sống với cha nên chị để anh T1 trực tiếp nuôi cháu T3.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T; Con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 10/01/2017. Khi ly hôn, chị Lê Thị Ngọc T nuôi con là Nguyễn Nhật T2, anh Nguyễn Văn T1 nuôi con là Nguyễn Nhật T3. Ghi nhận chị Lê Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày, không xem xét cấp dưỡng. Tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh T1 vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”; Trong đó xác định chị Lê Thị Ngọc T là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa (vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng), Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T, thấy rằng:

Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Anh T1 vắng mặt, không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, người thân của anh T1 cho biết thông tin: Hôn nhân của anh T1 và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Anh T1 và chị T có nhà ở xã Đ. Anh T1 làm nghề tự do tại địa phương. Qua tìm hiểu thông tin thì giữa anh T1 và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nội dung gì, gia đình có biết việc chị T nộp đơn xin ly hôn với anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị T. Vợ chồng có 02 người con chung đang sống với chị T và thường xuyên qua lại thăm cha và ông bà nội. Việc các cháu muốn sống với ai để cho các cháu quyết định.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của anh T1 và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Cách ngày xác minh khoảng 04 tháng, địa phương có tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải của chị T về việc mâu thuẫn vợ chồng, anh T1 đề nghị chị T đưa tiền nhưng chị T không đưa, anh T1 đánh chị T và anh T1 ghen tuông. Anh T1 có cha ruột là ông Nguyễn Văn T4, anh T1 làm nghề lao động tự do, không rõ thu nhập, hoàn cảnh kinh tế bình thường. Nghe thông tin từ hàng xóm, anh T1 có chơi cờ bạc, chị T bỏ đi cách ngày xác minh khoảng 04 đến 05 tháng.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Vợ chồng cũng đã có thời gian không sống chung. Nay chị T kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh T1 vắng mặt không đến Tòa nên không thể tiến hành hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 10/01/2017. Khi ly hôn, chị Lê Thị Ngọc T xin trực tiếp nuôi con là Nguyễn Nhật T2, để anh Nguyễn Văn T1 nuôi con là Nguyễn Nhật T3.

Thấy rằng, từ nhỏ đến lớn các con sống cùng cha mẹ ở xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam. Chỉ những tháng gần đây các con mới về bên ngoại ở với mẹ. Theo chị T trình bày 02 nhà cách nhau rất gần (khoảng 01km) nên việc chăm sóc 02 con của cả anh T1 và chị T không bị ảnh hưởng. Cháu T2 đang học ở Trường tiểu học 1 thị trấn Mỏ Cày và cháu T3 đang học ở Trường tiểu học Đ, cách nhà cả 02 không xa

nên việc đưa rứt con đi học của cả 02 anh chị không bị ảnh hưởng nếu trực tiếp nuôi con. Cả 02 anh chị đều có thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Khi hỏi ý kiến thì cháu T2 có nguyện vọng sống với mẹ, cháu đề nghị để em sống với cha vì cháu cho rằng em mến cha hơn và cha cũng thương em hơn. Chị T cũng khẳng định là cháu T3 mến cha hơn và anh T1 cũng rất thương con, hằng ngày chăm sóc con rất chu đáo. Do đó, để đảm bảo quá trình chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, để chị T trực tiếp nuôi cháu T2 và anh T1 trực tiếp nuôi cháu T3 là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; anh T1 vắng mặt, không lời trình bày nên không xem xét vấn đề cấp dưỡng trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc T trình bày không yêu cầu, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc T trình bày không có, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 11/8/2014 và Nguyễn Nhật T3, sinh ngày 10/01/2017. Khi ly hôn, chị Lê Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Nhật T2. Anh Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi con là Nguyễn Nhật T3.

Ghi nhận chị Lê Thị Ngọc T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày nên không xem xét vấn đề cấp dưỡng trong vụ án này.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc T trình bày không yêu cầu, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc T trình bày không có, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Lê Thị Ngọc T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001184 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng